



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số : ~~244~~...-12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN **về Báo cáo tài chính năm 2011** **của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam**

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 04 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 08 đến trang 38 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo tài chính riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết đang được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam cho năm tài chính 2011:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		281.079.138.047	183.905.468.221
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	28.215.839.808	13.018.826.436
1 Tiền	111		28.215.839.808	13.018.826.436
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	1.070.500	1.465.300
1 Đầu tư ngắn hạn	121		5.578.075	5.578.075
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.507.575)	(4.112.775)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.341.607.442	118.045.909.329
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	106.833.140.887	111.371.192.012
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	3.941.534.733	6.272.684.410
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	10.566.931.822	402.032.907
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		123.329.248.446	42.703.217.469
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	123.329.248.446	42.703.217.469
V Tài sản ngắn hạn khác	150		8.191.371.851	10.136.049.686
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.424.685.813	5.545.743.767
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5.	-	6.000.000
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	4.766.686.038	4.584.305.919
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		328.321.686.975	293.524.766.523
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		99.765.088.095	101.493.911.002
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	36.105.366.513	36.191.856.034
- Nguyên giá	222		45.284.301.197	43.839.869.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.178.934.684)	(7.648.013.786)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7.	720.600.232	314.769.313
- Nguyên giá	225		1.011.370.788	434.005.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(290.770.556)	(119.236.020)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	3.153.499.999	7.153.499.999
- Nguyên giá	228		3.226.243.989	7.226.243.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.743.990)	(72.743.990)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9.	59.785.621.351	57.833.785.656
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10.	226.997.006.125	190.301.830.617
1 Đầu tư vào công ty con	251		13.321.974.152	13.153.009.226
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		77.188.358.801	76.469.920.771
3 Đầu tư dài hạn khác	258		138.209.860.200	102.209.860.200
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.723.187.028)	(1.530.959.580)
V Tài sản dài hạn khác	260		1.559.592.755	1.729.024.904
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	1.484.592.755	1.541.072.956
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17.	-	162.951.948
3. Tài sản dài hạn khác	268	VIII.2.3	75.000.000	25.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		609.400.825.022	477.430.234.744

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		514.233.784.097	382.876.377.771
I Nợ ngắn hạn	310		256.156.501.198	213.772.901.133
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	69.305.939.424	39.659.827.931
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	86.170.292.348	87.641.548.110
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	19.638.867.462	27.776.425.827
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	1.574.895.490	1.493.169.303
5 Phải trả người lao động	315		16.291.285.760	4.357.593.316
6 Chi phí phải trả	316	V.14.	1.278.182.888	381.333.493
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	60.924.071.631	50.436.897.676
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		972.966.195	2.026.105.477
II Nợ dài hạn	330		258.077.282.899	169.103.476.638
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.6	223.059.464.000	154.767.660.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	9.306.563.628	5.822.201.893
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		86.320.701	86.320.701
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		295.539.497	295.539.497
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	VIII.2.7	25.329.395.073	8.131.754.547
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		95.167.040.925	94.553.856.973
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	95.167.040.925	94.553.856.973
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		30.225.000.000	30.225.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		(170.000)	(170.000)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.057.340.629	2.057.340.629
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.904.909.735	1.904.909.735
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.979.960.561	10.366.776.609
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		609.400.825.022	477.430.234.744

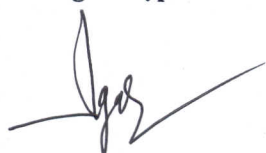
Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Vũ Thị Nga

Trần Trọng Đại

Đào Ngọc Thanh

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		338.681.382.101	321.029.886.711
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.19.	338.681.382.101	321.029.886.711
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	316.744.213.158	305.658.696.817
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.937.168.943	15.371.189.894
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	2.975.497.659	7.215.250.644
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	8.038.635.830	3.458.039.847
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.814.810.332	2.924.697.803
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.8	6.533.573.612	5.503.002.163
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		10.340.457.160	13.625.398.528
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.9	4.356.844.767	-
12 Chi phí khác	32	VIII.2.10	4.508.386.989	1.839.267
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(151.542.222)	(1.839.267)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.188.914.938	13.623.559.261
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.23.	1.935.883.363	2.982.364.568
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.24.	162.951.948	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.090.079.627	10.641.194.693

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Vũ Thị Nga



Trần Trọng Đại



Đào Ngọc Thanh